TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/DS-PT
Ngày 25 – 6 - 2018
"V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Ông Phạm Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang***: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2017/TLPT- DS ngày 06 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13 /2017/DS-ST, ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thị xã NB, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 203/2018/QĐPT-DS, ngày 15 tháng 06 năm 2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn:

1.1 Bà Võ Thị Tuyết N.

1.2 Ông Đoàn Văn M.

1.3 Anh Đoàn Võ Minh A.

1.4 Chị Đoàn Võ Nga A.

Cùng địa chỉ: Khu vực S, phường Ngã B, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện hợp pháp cho bà N, ông M, anh Minh A, chị Nga A: Chị Nguyễn Hà Ái T (theo văn bản ủy quyền 12/4/2018).

Địa chỉ: 60B25, khu dân cư B, phường An K, quận NK, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn N1.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Bà Trần Thị Bích L, sinh năm: 1975

(theo văn bản ủy quyền ngày 30/10/2015).

Cùng địa chỉ: Khu vực S, phường Ngã B, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Trần Thanh Đ, sinh năm: 1987

Người đại diện hợp pháp cho anh Đ: Bà Trần Thị Bích L (theo văn bản ủy quyền ngày 30/10/2015)

Cùng địa chỉ: Khu vực S, phường Ngã B, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang

4. Người kháng cáo: Bà Võ Thị Tuyết N, ông Đoàn Văn M, anh Đoàn Võ Minh A, chị Đoàn Võ Nga A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn Võ Thị Tuyết N, Đoàn Văn M, Đoàn Võ Minh A, Đoàn Võ Nga A trình bày: Bà Võ Thị Tuyết N có phần đất 1.495m^2, tại thửa 793, 792 đất tọa lạc tại khu vực S, phường Ngã B (nay là thị xã Ngã Bảy) tỉnh Hậu Giang được Ủy ban nhân dân huyện P H(cũ) cấp giấy chứng nhận số MD-01916/QSDĐ ngày 10/12/2001. Nguồn gốc đất là của cha mẹ bà Võ Thị Tuyết N để lại là ông Võ Văn G (đã mất) và mẹ bà Nguyễn Thị T. Ông Trần Văn N1 có phần đất giáp ranh với Võ Thị Tuyết N, ranh đất giữa hai bên là một con mương (hiện nay con mương đã lạng), trong quá trình sử dụng ông Trần Văn N1 đã be bờ và xây dựng nhà lấn qua phần đất của bà. Nay yêu cầu ông Trần Văn N1 giao trả phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 10,6m^2.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị Mỹ L trình bày: Ông Trần Văn N1 có phần đất 173m^2, thửa 795, tọa lạc tại khu vực S, phường Ngã B (nay là thị xã Ngã B), tỉnh Hậu Giang được Ủy ban nhân dân huyện PH (cũ) cấp giấy chứng nhận số MD-0200/QSDĐ ngày 10/12/2001. Nguồn gốc đất ông Trần Văn N1 được anh ruột là ông Huỳnh Văn H (đã mất) cho cách đây 50 năm. Năm 2010, Nhà nước có thu hồi một phần đất tại thửa 795 diện tích 81,5m^2 để làm đường lộ. Ông Trần Văn N1 đã sử dụng đất ổn định và cất nhà kiên cố, ông Trần Văn N không có lấn chiếm đất của bà Võ Thị Tuyết N như bà Võ Thị Tuyết N trình bày, nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án sơ thẩm số 13/2017/DS-ST, ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã NB, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Võ Thị Tuyết Ng, Đoàn Văn M, Đoàn Võ Minh A, Đoàn Võ Nga A yêu cầu bị đơn Trần Văn N1 trả phần đất lấn chiếm ngang 2m, dài 5,26m, tổng diện tích 10,6m^2 (Có lược đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định, đo đạc, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2017, các nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết N, ông Đoàn Văn M, anh Đoàn Võ Minh A, chị Đoàn Võ Nga A có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 13/2017/DS-ST, ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thị xã NB, tỉnh Hậu Giang. Buộc ông Trần Văn N1 trả phần đất lấn chiếm ngang 2m, dài 5,26m, tổng diện tích 10,6m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn là chị Ái T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về nội dung kháng cáo chị T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị T cho rằng, phần đất tranh chấp là con mương do phía nguyên đơn đào và bị đơn đã thừa nhận do nguyên đơn đào tại các bút lục 51-52; đồng thời, bà Võ Thị Tuyết N được mẹ là Nguyễn Thị T cho thêm phần đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tại vị trí số 4). Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị Mỹ L cho rằng, ông Trần Văn N1 không có lấn đất của bà Võ Thị Tuyết N, phần con mương của nguyên đơn là ở phía sau nhà, không nằm trong phần đất tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bởi lẽ, phần đất nguyên đơn sử dụng qua kết quả đo đạc thực tế thì phía nguyên đơn dư 80,5m^2, bị đơn thiếu 2,8m^2, trên phần đất tranh chấp có phần nhà ông Trần Văn N1 đã xây dựng kiên cố, nguyên đơn cho rằng, bị đơn đã lấn chiếm phần con mương lạng nhưng nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh; đồng thời, nguyên đơn không xác định được chiều ngang dài của con mương là bao nhiêu và hai bên không có ranh giới cụ thể. Do đó, đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2017 các nguyên đơn Võ Thị Tuyết N, Đoàn Văn M, Đoàn Võ Minh A, Đoàn Võ Nga A có đơn kháng cáo đúng qui định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào Mãnh trích đo địa chính số 07/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên- môi trường tỉnh Hậu Giang ngày 9/5/2018 thể hiện phần đất tranh chấp diện tích 10,6m^2 (vị trí số 2), trong đó có phần nhà ông Trần Văn N bị ảnh hưởng là 4,9m^2.

[2.2] Giữa đất của hộ bà Võ Thị Tuyết N và đất của hộ ông Trần Văn N1 đang sử dụng giáp ranh với nhau, các nguyên đơn cho rằng, bị đơn ông Trần Văn N1 trong quá trình sử dụng đã lấn chiếm qua phần đất của bà Võ Thị Tuyết N nên phát sinh tranh chấp. Người đại diện của bị đơn là bà Trần Thị Mỹ L cho rằng ông Trần Văn N1 đã sử dụng ổn định và cất nhà kiên cố, không có lấn ranh đất của nguyên đơn nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, Hộ bà Võ Thị Tuyết N được Ủy ban nhân dân huyện PH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số MD-0196.QSDĐ ngày 10/12/2001 tại 02 thửa 792 và 793 tổng diện tích là 1.495m^2 so với phần đất của bà Võ Thị Tuyết N sử dụng ổn định theo kết quả đo đạc tại 02 thửa là 1.575,5m^2, dư 80,5m^2. Phần đất hộ ông Trần Văn N1 được Ủy ban nhân dân huyện P H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số MD-0200.QSDĐ ngày 10/12/2001 tại thửa 795 diện tích 173m^2, đến năm 2009, ông Trần Văn N1 bị Nhà nước thu hồi một phần đất tại thửa 795 diện tích 81,5m^2 để làm đường lộ theo Quyết định 2989/QĐ-UBND, phần đất còn lại là 91,5m^2, so với phần đất của ông Trần Văn N1 sử dụng ổn định theo kết quả là 68,1m^2, thiếu 23,4m^2. Trong đó, phần đất tranh chấp có diện tích 10,6m^2, nếu cộng phần đất tranh cho bị đơn, thì bị đơn vẫn còn thiếu 12,8m^2. Quá trình giải quyết sơ thẩm, nguyên đơn hộ bà Võ Thị Tuyết N cho rằng bị ông Trần Văn N1 lấn ranh nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, trong khi phần đất thực tế ông Trần Văn N1 đang sử dụng còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, phần đất tranh chấp bị đơn ông Trần Văn N1 đã sử dụng ổn định, trên đất có phần nhà bị ảnh hưởng với diện tích 4,9m^2, kết cấu cột bê tông, cốt thép, vách tường… nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ bà Võ Thị Tuyết N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Các nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp trước đây là con mương do nguyên đơn đào, bị đơn đã lấp mương và đã xây dựng nhà lấn chiếm đất nhưng bị đơn không thừa nhận, lời khai của bị đơn thể hiện tại bút lục 51 – 52 không thể hiện nội dung ông Trần Văn N1 lấn đất của hộ bà Võ Thị Tuyết N mà chỉ thể hiện nội dung con mương của hộ bà Võ Thị Tuyết N đào không nằm trong phần đất tranh chấp mà thuộc vị trí đất còn lại của bà Võ Thị Tuyết N. Do đó, việc hộ bà Võ Thị Tuyết N cho rằng bị ông Trần Văn N1 lấn đất nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Đối với việc hộ bà Võ Thị Tuyết N cho rằng phần đất bà Võ Thị Tuyết N đang sử dụng có một phần được mẹ là bà Nguyễn Thị Th cho (tại vị trí số 4) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, căn cứ Mãnh trích đo địa chính số 07/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên- Môi trường tỉnh Hậu Giang ngày 09/5/2018 thể hiện phần đất tại vị trí số 4 thuộc thửa 793 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Võ Thị Tuyết N. Do đó, việc hộ bà Võ Thị Tuyết N cho rằng diện tích đất đang sử dụng còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng.

[2.5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu

kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các nguyên đơn gồm: Bà Võ Thị Tuyết N, ông Đoàn Văn M, anh Đoàn Võ Minh A, chị Đoàn Võ Nga A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

[4] Chi phí xem xét thẩm định, đo đạc, lược đồ cấp phúc thẩm: Các nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết N, ông Đoàn Văn M, anh Đoàn Võ Minh A, chị Đoàn Võ Nga A phải chịu theo quy định số tiền 2.778.439đồng (đã nộp xong).

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 166, 202, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết N, ông Đoàn Văn M, anh Đoàn Võ Minh A, chị Đoàn Võ Nga A.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các bà Võ Thị Tuyết N, ông Đoàn Văn M, anh Đoàn Võ Minh A, chị Đoàn Võ Nga A yêu cầu bị đơn ông Trần Văn N1 trả phần đất lấn chiếm có chiều ngang 2m, dài 5,26m, tổng diện tích 10,6m^2. (Kèm theo Mãnh đo đạc địa chính số 07/2018 của Trung tâm Kỹ thuật- Tài nguyên môi trường tỉnh Hậu Giang ngày 9/5/2018).

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết N, ông Đoàn Văn M, anh Đoàn Võ Minh A, chị Đoàn Võ Nga A phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm các nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu số 0007714 ngày 06/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã NB, tỉnh Hậu Giang thành án phí dân sự sơ thẩm.

5. Lệ phí đo đạc, thẩm định, lược đồ cấp sơ thẩm: Các nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết N, ông Đoàn Văn M, anh Đoàn Võ Minh A, chị Đoàn Võ Nga A phải chịu 2.000.000đồng (đã nộp xong)

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết N, ông Đoàn Văn M, anh Đoàn Võ Minh A, chị Đoàn Võ Nga A phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm các nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu số 0007798 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã NB, tỉnh Hậu Giang thành án phí dân sự phúc thẩm.

7. Lệ phí đo đạc, thẩm định, lược đồ cấp phúc thẩm: Các nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết N, ông Đoàn Văn M, anh Đoàn Võ Minh A, chị Đoàn Võ Nga A phải chịu là 2.778.439 đồng (đã nộp xong).

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 25/6/2018).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TX NB;
- Chi cục THADS TX NB;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Hồng Thanh